

**TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC**

---



**GIÁO TRÌNH**  
**MÔN HỌC: THỰC TẬP XÍ NGHIỆP**  
**NGÀNH: CÔNG NGHỆ Ô TÔ**  
**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDHBL ngày ..... tháng ..... năm.....  
của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc)*

**Đồng Nai, năm 2021**

*(Lưu hành nội bộ)*

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

Thực tập xí nghiệp là một phần quan trọng trong quá trình đào tạo của sinh viên, giúp họ áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn và rèn luyện kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Thông qua thực tập, sinh viên có cơ hội tiếp xúc với môi trường làm việc chuyên nghiệp, tìm hiểu quy trình hoạt động của doanh nghiệp, cũng như phát triển khả năng làm việc nhóm và giao tiếp. Đây không chỉ là dịp để sinh viên rèn luyện bản thân mà còn là cơ hội quý báu để xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp và khám phá tiềm năng của bản thân trong lĩnh vực mình theo đuổi. Chính vì vậy, thực tập xí nghiệp được xem là cầu nối giữa học tập và hành nghề, giúp sinh viên tự tin hơn khi bước vào thị trường lao động.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình chuyên đề hệ thống an toàn tiện nghi trên ô tô*** dành riêng cho người học trình độ Cao đẳng.

Nội dung của giáo trình bao gồm các Bài sau:

**Chương 1:** Tìm hiểu doanh nghiệp

**Chương 2:** Thực tập sản xuất

**Chương 3:** Báo cáo thực tập

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
2. ThS. Trần Thế Liên
3. ThS. Nguyễn Hoàng Luân
4. Ks. Nguyễn Đào Vũ
5. Th.S. Nguyễn Đức Quý

## MỤC LỤC

|                                              |           |
|----------------------------------------------|-----------|
| <b>LỜI GIỚI THIỆU .....</b>                  | <b>2</b>  |
| <b>MỤC LỤC .....</b>                         | <b>3</b>  |
| <b>GIÁO TRÌNH MÔN HỌC .....</b>              | <b>4</b>  |
| <b>CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU DOANH NGHIỆP .....</b> | <b>12</b> |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TẬP SẢN XUẤT .....</b>     | <b>18</b> |
| <b>CHƯƠNG 3: VIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP .....</b> | <b>23</b> |

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**1. Tên môn học:** THỰC TẬP XÍ NGHIỆP

**2. Mã môn học:** MĐ21

**3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

**3.1. Vị trí:** Giáo trình dành cho người học trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc.

**3.2. Tính chất:**

- là môn chuyên đề bắt buộc.

**3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:** môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành Công nghệ ô tô. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức thuộc lĩnh vực: giúp họ áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn và rèn luyện kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Thông qua thực tập, sinh viên có cơ hội tiếp xúc với môi trường làm việc chuyên nghiệp, tìm hiểu quy trình hoạt động của doanh nghiệp, cũng như phát triển khả năng làm việc nhóm và giao tiếp. Đây không chỉ là dịp để sinh viên rèn luyện bản thân mà còn là cơ hội quý báu để xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp và khám phá tiềm năng của bản thân trong lĩnh vực mình theo đuổi.

**4. Mục tiêu của môn học:**

**4.1. Về kiến thức:**

A1. Trình bày được cơ cấu tổ chức của một doanh nghiệp sửa chữa ô tô, các trạm bảo trì, bảo hành ô tô, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, phân xưởng của doanh nghiệp;

A2. Nâng cao được kỹ năng nghề, tác phong công nghiệp và nhận thức thực tế sản xuất trong các cơ sở, doanh nghiệp Nhà nước, tư nhân hay nước ngoài;

A3. Làm được báo cáo chuyên đề đúng yêu cầu đề ra

**4.2. Về kỹ năng:**

B1. Vận dụng kiến thức lý thuyết và tay nghề cơ bản đã học vào thực tế, nâng cao trình độ tay nghề chuyên môn, có kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp khi ra trường

**4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

C1. Tính kỷ luật cao, tác phong công nghiệp. An toàn lao động

## 5. Nội dung của môn học

### 5.1. Chương trình khung

| STT        | MÔN HỌC/ MÔ ĐUN                        | Thời gian học tập |            |            |                                         |           |
|------------|----------------------------------------|-------------------|------------|------------|-----------------------------------------|-----------|
|            |                                        | Số tín chỉ        | Tổng cộng  | Lý thuyết  | Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra  |
| <b>I.</b>  | <b>Các môn chung</b>                   | <b>21</b>         | <b>435</b> | <b>172</b> | <b>240</b>                              | <b>23</b> |
| MH01       | Giáo dục chính trị                     | 4                 | 75         | 41         | 29                                      | 5         |
| MH02       | Pháp luật                              | 2                 | 30         | 18         | 10                                      | 2         |
| MH03       | Giáo dục thể chất                      | 2                 | 60         | 5          | 51                                      | 4         |
| MH04       | Giáo dục Quốc phòng và An ninh         | 4                 | 75         | 36         | 35                                      | 4         |
| MH05       | Tin học                                | 3                 | 75         | 15         | 58                                      | 2         |
| MH06       | Tiếng Anh                              | 6                 | 120        | 57         | 57                                      | 6         |
| <b>II.</b> | <b>Các môn/mô đun cơ sở</b>            | <b>21</b>         | <b>390</b> | <b>192</b> | <b>169</b>                              | <b>29</b> |
| MH07       | An toàn lao động                       | 1                 | 15         | 13         |                                         | 2         |
| MH08       | Tổ chức sản xuất                       | 1                 | 15         | 13         |                                         | 2         |
| MH09       | Vẽ kỹ thuật                            | 2                 | 45         | 13         | 30                                      | 2         |
| MH10       | Dung sai lắp ghép và Đo lường kỹ thuật | 2                 | 30         | 27         |                                         | 3         |
| MH11       | Vật liệu cơ khí                        | 2                 | 30         | 27         |                                         | 3         |
| MH12       | AutoCad                                | 2                 | 45         | 15         | 27                                      | 3         |
| MH13       | Cơ kỹ thuật                            | 2                 | 30         | 27         |                                         | 3         |
| MH14       | Kỹ thuật điện - Điện tử                | 2                 | 45         | 15         | 26                                      | 4         |

|             |                                                                 |           |             |            |            |            |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------|------------|------------|
| MH15        | Tiếng anh chuyên ngành                                          | 3         | 45          | 42         |            | 3          |
| MĐ01        | Nguội cơ bản                                                    | 2         | 45          |            | 43         | 2          |
| MĐ02        | Hàn cơ bản                                                      | 2         | 45          |            | 43         | 2          |
| <b>III.</b> | <b>Các môn học/mô đun chuyên môn nghề</b>                       | <b>69</b> | <b>1500</b> | <b>480</b> | <b>889</b> | <b>131</b> |
| MH16        | Nguyên lý động cơ đốt trong                                     | 2         | 30          | 27         |            | 3          |
| MĐ03        | Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa                    | 2         | 45          | 15         | 25         | 5          |
| MĐ04        | Bảo dưỡng - Sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền           | 4         | 105         | 15         | 80         | 10         |
| MĐ05        | Bảo dưỡng - Sửa chữa cơ cấu phân phối khí                       | 3         | 60          | 15         | 41         | 4          |
| MĐ06        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống bôi trơn và làm mát               | 2         | 45          | 15         | 25         | 5          |
| MĐ07        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng BCHK | 3         | 60          | 15         | 39         | 6          |
| MĐ08        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel         | 3         | 75          | 15         | 54         | 6          |
| MĐ09        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống lái                               | 2         | 45          | 15         | 25         | 5          |
| MĐ10        | Bảo dưỡng - Sửa chữa trang bị điện ô tô                         | 6         | 135         | 45         | 80         | 10         |
| MĐ11        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống phanh                             | 3         | 60          | 15         | 39         | 6          |
| MĐ12        | Kỹ thuật lái xe                                                 | 3         | 60          | 15         | 39         | 6          |
| MĐ13        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống truyền lực                        | 5         | 105         | 30         | 67         | 8          |
| MĐ14        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống di chuyển                         | 2         | 45          | 15         | 25         | 5          |
| MH17        | Lý thuyết ô tô                                                  | 2         | 30          | 27         |            | 3          |
| MĐ15        | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử                 | 4         | 90          | 30         | 52         | 8          |

|                          |                                                          |            |             |            |             |            |
|--------------------------|----------------------------------------------------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|
| MĐ16                     | Bảo dưỡng - Sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử       | 3          | 75          | 15         | 54          | 6          |
| MĐ17                     | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống điều khiển bằng khí nén    | 3          | 75          | 15         | 54          | 6          |
| MĐ18                     | Bảo dưỡng - Sửa chữa Hệ thống phanh ABS                  | 3          | 75          | 15         | 54          | 6          |
| MĐ19                     | Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô                       | 5          | 120         | 30         | 82          | 8          |
| MĐ20                     | Bảo dưỡng - Sửa chữa hộp số tự động                      | 3          | 75          | 15         | 54          | 6          |
| MH18                     | Nhiệt kỹ thuật                                           | 2          | 30          | 27         |             | 3          |
| MH19                     | Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng                    | 2          | 30          | 27         |             | 3          |
| MH20                     | Công nghệ chế tạo phụ tùng và phục hồi chi tiết          | 2          | 30          | 27         |             | 3          |
| <b>IV.</b>               | <b>Thực tập sản xuất/ Thực tập xí nghiệp/ Chuyên đề.</b> | <b>9</b>   | <b>375</b>  | <b>95</b>  | <b>265</b>  | <b>15</b>  |
| MĐ21                     | Thực tập xí nghiệp                                       | 7          | 315         | 65         | 245         | 5          |
| MĐ22                     | Chuyên đề Hệ thống lái điện tử                           | 1          | 30          | 15         | 10          | 5          |
| MĐ23                     | Chuyên đề Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô        | 1          | 30          | 15         | 10          | 5          |
| <b>Tổng số giờ chuẩn</b> |                                                          | <b>120</b> | <b>2700</b> | <b>939</b> | <b>1563</b> | <b>198</b> |

## 5.2. Chương trình chi tiết môn học

| Số<br>TT | Tên các bài trong<br>chuyên đề | Thời gian |              |                                                 |          |
|----------|--------------------------------|-----------|--------------|-------------------------------------------------|----------|
|          |                                | Tổng số   | Lý<br>thuyết | Thực hành, thí<br>nghiệm, thảo<br>luận, bài tập | Kiểm tra |

|   |                                 |            |           |            |          |
|---|---------------------------------|------------|-----------|------------|----------|
| 1 | Chương 1: Tìm hiểu doanh nghiệp | 65         | 65        |            |          |
| 2 | Chương 2: Thực tập sản xuất     | 245        |           | 245        |          |
| 3 | Báo cáo thực tập                | 5          |           |            | 5        |
|   | <b>Cộng</b>                     | <b>315</b> | <b>65</b> | <b>245</b> | <b>5</b> |

## **6. Điều kiện thực hiện môn học:**

**6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành:** Phòng máy tính.

**6.2. Trang thiết bị dạy học:** Phòng máy vi tính, bảng, phấn, tô vít.

**6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập,...

**6.4. Các điều kiện khác:** Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

## **7. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **7.1. Nội dung:**

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### **7.2. Phương pháp:**

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### **7.2.1. Cách đánh giá**

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

| <b>Điểm đánh giá</b>                   | <b>Trọng số</b> |
|----------------------------------------|-----------------|
| + Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1) | 40%             |
| + Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)      |                 |
| + Điểm thi kết thúc môn học            | 60%             |

### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

| <b>Phương pháp đánh giá</b> | <b>Phương pháp tổ chức</b> | <b>Hình thức kiểm tra</b>           | <b>Chuẩn đầu ra đánh giá</b>                              | <b>Số cột</b> | <b>Thời điểm kiểm tra</b> |
|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|
| Thường xuyên                | Viết/<br>Thuyết trình      | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A1, A2, A3,<br>B1, B2, B3,<br>C1, C2                      | 0             | Sau giờ.                  |
| Định kỳ                     | Viết/<br>Thuyết trình      | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A4, B4, C3                                                | 0             | Sau ... giờ               |
| Kết thúc môn học            | Viết                       | Tự luận và<br>trắc nghiệm           | A1, A2, A3, A4, A5,<br>B1, B2, B3, B4, B5,<br>C1, C2, C3, | 1             | Sau 245 giờ               |

### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập